

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2024

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2024 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209,093,476,756	195,131,732,561
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,400,579,299	1,958,467,618
1. Tiền	111		1,400,579,299	1,958,467,618
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,900,210,000	1,900,210,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2,900,210,000	1,900,210,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115,319,390,798	102,337,427,874
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	100,850,303,832	91,089,554,470
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11,497,114,042	8,307,229,815
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2,394,300,000	2,394,300,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1,744,470,833	1,800,141,498
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1,166,797,909)	(1,253,797,909)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		88,588,063,961	87,760,933,492
1. Hàng tồn kho	141	V.8	88,588,063,961	87,760,933,492
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		885,232,698	1,174,693,577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	213,960,262	278,857,784
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	671,272,436	895,835,793
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2024 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25,842,575,981	26,591,108,516
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24,293,950,653	24,876,569,424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	24,293,950,653	24,876,569,424
Nguyên giá	222		38,922,235,087	38,922,235,087
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,628,284,434)	(14,045,665,663)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		159,181,000	159,181,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159,181,000)	(159,181,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,548,625,328	1,714,539,092
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,548,625,328	1,714,539,092
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234,936,052,737	221,722,841,077

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2024 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		92,947,927,931	83,036,814,633
I. Nợ ngắn hạn	310		87,608,222,854	77,697,109,556
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17,401,183,485	20,190,124,997
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	695,833,029	884,594,057
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	888,470,527	4,694,688,205
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1,080,599,190	1,986,286,056
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	-	88,909,018
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	675,748,073	553,581,817
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	65,209,484,664	47,634,021,520
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	329,908,941	329,908,941
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1,326,994,945	1,334,994,945
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5,339,705,077	5,339,705,077
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	4,425,000,000	4,425,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	914,705,077	914,705,077
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2024 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141,988,124,806	138,686,026,444
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	141,988,124,806	138,686,026,444
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115,025,160,000	115,025,160,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115,025,160,000	115,025,160,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,049,066,214	4,049,066,214
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22,913,898,592	19,611,800,230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,722,130,776	1,722,130,776
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21,191,767,816	17,889,669,454
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234,936,052,737	221,722,841,077

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2024 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm nay		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39,991,562,848	37,547,663,600	39,991,562,848	37,547,663,600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		69,984,093	32,848,410	69,984,093	32,848,410
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39,921,578,755	37,514,815,190	39,921,578,755	37,514,815,190
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32,708,957,567	31,572,002,090	32,708,957,567	31,572,002,090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,212,621,188	5,942,813,100	7,212,621,188	5,942,813,100
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59,945,530	274,846,186	59,945,530	274,846,186
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,076,689,457	1,814,457,761	1,076,689,457	1,814,457,761
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,067,813,672	1,797,111,950	1,067,813,672	1,797,111,950
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	955,357,488	942,306,292	955,357,488	942,306,292
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,027,112,341	2,304,300,232	2,027,112,341	2,304,300,232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,213,407,432	1,156,595,001	3,213,407,432	1,156,595,001
11. Thu nhập khác	31	VI.7	921,074,726	1,595,122,428	921,074,726	1,595,122,428
12. Chi phí khác	32	VI.8	134,386	325,046	134,386	325,046
13. Lợi nhuận khác	40		920,940,340	1,594,797,382	920,940,340	1,594,797,382
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,134,347,772	2,751,392,383	4,134,347,772	2,751,392,383
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		832,249,410	555,243,670	832,249,410	555,243,670
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,302,098,362	2,196,148,713	3,302,098,362	2,196,148,713

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2024 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 31/03/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		33 829 307 575	47 989 531 797
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(40 559 630 482)	(30 948 053 781)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2 960 387 861)	(4 175 279 333)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1 005 455 672)	(1 449 323 156)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4 615 193 220)	(1 420 000 000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		240 375 416	252 079 771
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2 062 969 931)	(2 805 530 828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17 133 954 175)	7 443 424 470
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1 000 000 000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			6 325 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		602 712	817 726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(999 397 288)	6 325 817 726
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của c	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		41 172 423 807	27 925 902 525
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(23 596 960 663)	(44 426 841 122)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17 575 463 144	(16 500 938 597)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(557 888 319)	(2 731 696 401)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1 958 467 618	2 984 734 360
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		1 400 579 299	253 037 959

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Ngày 19 Tháng 04 Năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý I/2024)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 69 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 81 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc vào ngày 31/12/2024

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	369,697,308	124,389,198
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,030,881,991	1,834,078,420
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	1,400,579,299	1,958,467,618

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	2,900,210,000	1,900,210,000
Tiền gửi có kỳ hạn	2,900,210,000	1,900,210,000
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác		
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn		
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác		
Cộng	2,900,210,000	1,900,210,000

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	82,721,073,876	67,469,564,067
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		151 427 004
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	470 174 837	587 002 146
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	64 915 754 380	47 640 471 973
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	86 376 646	72 073 390
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	723 059 040	885 484 025
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	16 079 738 317	16 448 959 721
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	181 933 048	371 270 628
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	264 037 608	1 312 875 180
Phải thu các khách hàng khác	18,129,229,956	23,619,990,403
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sĩ	599 004 831	1 079 939 625
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	7 169 701 643	7 169 701 643
Công ty TNHH Thương Mại và đầu tư phát triển Thiên Phú	2 241 332 302	7 141 332 302
Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Đại An	5 486 164 000	6 686 164 000
Các khách hàng khác	2 633 027 180	1,542,852,833
Cộng	100,850,303,832	91,089,554,470

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀĐịa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	11,497,114,042	8,307,229,815
Công ty cổ phần thương mại quốc tế Phú Sỹ	81,348,014	-
SHANDONG LONGGUANG TIANXU SOLAR ENERGY CO.,LTD	1,661,093,793	-
GUANGXI QINBAO INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	2,482,656,068	2,503,726,028
Wuxi Ecooter Technology Co., Ltd	706,847,195	1,461,338,923
Aima Sport (Tianjin) Co., Ltd	5,524,985,589	3,465,012,975
Chongqing Charming Motorcycle Manufacture Co., LTD	262,060,265	262,060,265
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	563,888,324	127,965,637
TIANJIN AIMA MANUFACTURING & TECHNOLOGY CO., LTD	-	-
Công ty cao su Kenda (Việt Nam)	-	-
Các nhà cung cấp khác	214,234,794	487,125,987
Cộng	11,497,114,042	8,307,229,815

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh vay với lãi suất 7%/năm		
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2,394,300,000	2,394,300,000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1,968,000,000	1,968,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
Ông Đinh Đức Tuấn	426,300,000	426,300,000
Cộng	2,394,300,000	2,394,300,000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	311,094,361		307,944,413	
Ông Đinh Đức Tuấn - Tiền lãi cho vay	311,094,361		307,944,413	
Phải thu các tổ chức và cá nhân	1,433,376,472	-1,072,000,000	1,492,197,085	-1,072,000,000
Ký cược, ký quỹ	23,000,000		23,000,000	
Tạm ứng	304,688,109		345,213,525	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,105,688,363	-1,072,000,000	1,123,983,560	-1,072,000,000
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Cá nhân khác	33,688,363		51,983,560	
Cộng	1,744,470,833	-1,072,000,000	1,800,141,498	-1,072,000,000

7. Phải thu dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
...				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>				
...				
Các khoản phải thu dài hạn khác				
Cộng				

8. Nợ xấu

	Số cuối năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,314,197,909	242,197,909	1,314,197,909	242,197,909
Ông Hoàng Trọng Thủy	121,397,909	121,397,909	121,397,909	121,397,909
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000		536,000,000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000		536,000,000	
Các đối tác doanh nghiệp	120,800,000	120,800,000	120,800,000	120,800,000
Cộng	1,314,197,909	242,197,909	1,314,197,909	242,197,909

9. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền		
Hàng tồn kho		
Tài sản cố định		
Tài sản khác		
Cộng	-	-

10. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	18,424,177		568,249,752	
Nguyên liệu, vật liệu	55,253,613,139		56,973,976,873	
Công cụ, dụng cụ	591,210,691		557,006,227	
Bao bì luân chuyển	43,558,564		44,818,564	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	358,707,885		340,111,037	
Thành phẩm	24,438,661,726		22,645,432,941	
Hàng hóa	7,883,887,779		6,631,338,098	
Hàng gửi đi bán				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	88,588,063,961		87,760,933,492	

11. Chi phí trả trước**11a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	48,952,294	77,331,070
Công cụ dụng cụ	118,173,369	151,861,544
Chi phí quảng cáo	9,166,664	
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		
Chi phí sửa chữa	2,500,000	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	35,167,935	49,665,170
Cộng	213,960,262	278,857,784

11b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	379,459,143	425,193,756
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		
Sửa chữa cải tạo máy móc, thiết bị văn phòng,	258,720,224	285,429,080
Chi phí quảng cáo	856,434,259	982,941,417
Chi phí trả trước dài hạn khác	54,011,702	20,974,839
Cộng	1,548,625,328	1,714,539,092

12. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Trang thiết bị vận tải, truyền thông</u>	<u>Trang thiết bị, dụng cụ</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	1,100,281,195	35,923,063,591	1,698,620,471	200,269,830	38,922,235,087
Mua trong năm/kỳ					
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Tăng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số cuối năm/kỳ	1,100,281,195	35,923,063,591	1,698,620,471	200,269,830	38,922,235,087
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-133,690,081	-12,871,988,558	-869,426,000	-170,561,024	-14,045,665,663
Khấu hao trong năm/kỳ	-27,507,030	-489,995,316	-56,339,535	-8,776,890	-582,618,771
Tăng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số cuối năm/kỳ	-161,197,111	-13,361,983,874	-925,765,535	-179,337,914	-14,628,284,434
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	966,591,114	23,051,075,033	829,194,471	29,708,806	24,876,569,424
Số cuối năm/kỳ	939,084,084	22,561,079,717	772,854,936	20,931,916	24,293,950,653

13. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	102,285,000	56,896,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm/kỳ	102,285,000	56,896,000	159,181,000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56,986,000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-102,285,000	-56,896,000	-159,181,000
Khấu hao trong năm/kỳ			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm/kỳ	-102,285,000	-56,896,000	-159,181,000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm			
Số cuối năm/kỳ			

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	vào TSCĐ trong năm/kỳ	Kết chuyển giảm khác
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang				
Sửa chữa lớn tài sản cố định				
Cộng				

15. Phải trả người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7,713,854,878	7,007,747,981
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	2,702,826,048	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	1,520,765,223	1,951,033,891
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	3,490,263,607	5,056,714,090
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công ty TNHH Một Thành Viên Logistics Sơn Hà		
Phải trả các nhà cung cấp khác	9,687,328,607	13,182,377,016
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	610,975,583	1,829,538,940
Chi nhánh Công ty TNHH BOSCH Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	2,721,600,000	2,721,600,000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp và Thương Mại An Thành Phát	796,757,500	1,643,037,000
NANNING GAOLI INDUSTRIAL AND TRADING CO., LTD	993,806,486	844,363,877
SHANDONG LONGGUANG TIANXU SOLAR ENERGY CO.,		552,704,704
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ		
Công ty TNHH Dương Tiến Phát	518,431,086	518,431,086
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Tập	1,632,677,751	1,446,863,751
Các nhà cung cấp khác	2,413,080,201	3,625,837,658
Cộng	17,401,183,485	20,190,124,997

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	695,833,029	884,594,057
Nguyễn Văn Quyết	-	-
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi Hà Tây	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế HTK	249,500,000	249,500,000
Công ty cổ phần đầu tư thương mại và kỹ thuật Hòa Bình	-	325,963,637
Công ty cổ phần phát triển nhà Nghệ An	275,000,000	275,000,000
Ông Lương Minh Tuấn	-	-
Các khách hàng khác	171,333,029	34,130,420
Cộng	695,833,029	884,594,057

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		609,853,623	609,853,623	
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu		257,786,410	257,786,410	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,615,193,219	832,249,410	4,615,193,220	832,249,409
Thuế thu nhập cá nhân	79,494,986	139,075,927	163,055,004	55,515,909
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Thuế bảo vệ môi trường		2,200,000	2,200,000	
Các loại thuế khác		125,000	125,000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		839,486	134,277	705,209
Cộng	4,694,688,205	1,842,129,856	5,648,347,534	888,470,527

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định của NĐ 15 /2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,134,347,772	2,751,392,383
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	26,899,277	24,825,971
- Các khoản điều chỉnh tăng	26,899,277	24,825,971
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	4,161,247,049	2,776,218,354
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	4,161,247,049	2,776,218,354
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ	832,249,410	555,243,671
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông		
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	832,249,410	555,243,670
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	832,249,410	555,243,670

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1,080,599,190	1,986,286,056
Tiền thưởng phải trả		
...		
Cộng	1,080,599,190	1,986,286,056

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	88,909,018
Cộng	-	88,909,018

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>675,748,073</i>	<i>553,581,817</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	
Kinh phí công đoàn	223,637,280	218,794,080
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	
Bảo hiểm thất nghiệp	-	
Phải trả về cổ phần hóa	-	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,000,000	5,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	-	
Tiền nhận từ các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	-	
...		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	447,110,793	329,787,737
Cộng	675,748,073	553,581,817

21. Phải trả dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Các khoản phải trả dài hạn khác		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

22. Vay và nợ thuê tài chính**15a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	64,099,484,664	64,099,484,664	46,154,021,520	46,154,021,520
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	44,654,869,163	44,654,869,163	39,524,021,520	39,524,021,520
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đống Đa-PGD Thành Công	19,444,615,501	19,444,615,501	6,630,000,000	6,630,000,000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1,110,000,000	1,110,000,000	1,480,000,000	1,480,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả BIDV Thanh Xuân		-		-
Vay dài hạn đến hạn trả Vietinbank Nghệ An	1,110,000,000	1,110,000,000	1,480,000,000	1,480,000,000
Cộng	<u>65,209,484,664</u>	<u>65,209,484,664</u>	<u>47,634,021,520</u>	<u>47,634,021,520</u>

15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4,425,000,000	4,425,000,000	4,425,000,000	4,425,000,000
Vay dài hạn ngân hàng BIDV CN An	4,425,000,000	4,425,000,000	4,425,000,000	4,425,000,000
Cộng	<u>4,425,000,000</u>	<u>4,425,000,000</u>	<u>4,425,000,000</u>	<u>4,425,000,000</u>

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	329,908,941	329,908,941
Dự phòng trợ cấp thôi việc		
...		
Cộng	<u>329,908,941</u>	<u>329,908,941</u>

24. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	867,486,577	867,486,577
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-
Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾		-
Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn ⁽ⁱⁱ⁾		-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47,218,500	47,218,500
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ		-
...		-
Cộng	<u>914,705,077</u>	<u>914,705,077</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1,334,994,945		(8,000,000)	1,326,994,945
Quỹ phúc lợi				-
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định				-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
Cộng	<u>1,334,994,945</u>	<u>-</u>	<u>(8,000,000)</u>	<u>1,326,994,945</u>

26. Vốn chủ sở hữu

26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng bảo hành + khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	95,855,110,000	1,244,614,018	3,656,853,462	1,160,888,569	21,636,499,904	121,148,463,366
Chi trả cổ tức bằng tiền					-156,000,000	-156,000,000
Thủ lao BKS, HĐQT					-588,319,128	-196,106,376
Trích lập các quỹ			392,212,752	196,106,376		
Chi từ quỹ khen thưởng				-22,000,000		
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	19,170,050,000				-19,170,050,000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền						
Lợi nhuận trong kỳ					17,889,669,454	17,889,669,454
...						
Số dư cuối năm trước	115,025,160,000	1,244,614,018	4,049,066,214	1,334,994,945	19,611,800,230	138,686,026,444
Số dư đầu năm nay	115,025,160,000	1,244,614,018	4,049,066,214	1,334,994,945	19,611,800,230	138,686,026,444
Thủ lao BKS, HĐQT						
Trích lập các quỹ						
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức						
Lợi nhuận trong kỳ					3,302,098,362	3,302,098,362
Chi từ quỹ khen thưởng				-8,000,000		
Số dư cuối năm nay/kỳ này	115,025,160,000	1,244,614,018	4,049,066,214	1,326,994,945	22,913,898,592	141,988,124,806

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	57,945,880,000	57,945,880,000
Hoàng Mạnh Tân	13,096,800,000	13,096,800,000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	11,232,000,000	11,232,000,000
Khác	32,750,480,000	32,750,480,000
Cộng	115,025,160,000	115,025,160,000

26c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11 502 516	11 502 516
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	11 502 516	11 502 516
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	11 502 516	11 502 516

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26d. Phân phối lợi nhuận

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	18,694,673,391	9,275,880,450
Doanh thu bán thành phẩm	21,223,460,564	28,243,997,900
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73,428,893	27,785,250
Doanh thu khác		
Cộng	39,991,562,848	37,547,663,600

1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Doanh thu bán hàng hóa (5111)	Năm nay	Năm trước
(SHD)		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	6,479,539,953	6,144,439,529
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	20,427,762	796,737,818
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	89,617,862	
Sơn Hà Miền Bắc	28,615,600	39,942,074
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	55,965,000	118,000
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung		44,362,600
khách hàng khác	12,020,507,214	2,250,280,429
Tổng cộng	18,694,673,391	9,275,880,450

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Doanh thu bán thành phẩm (5112)	Năm nay	Năm trước
51121		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà		
(SHD)		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	15,111,638,700	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	1,809,393,200	
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Sơn Hà Miền Bắc	211,648,150	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	187,501,500	
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	408,333,600	
khách hàng khác	3,494,945,414	28,243,997,900
Tổng cộng	21,223,460,564	28,243,997,900

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán dịch vụ (5113)	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	1,586,500	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	37,762,277	
Sơn Hà Miền Bắc		
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ		
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	50,000	
khách hàng khác	34,030,116	27,785,250
Tổng cộng	73,428,893	27,785,250

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	54,453,703	12,272,727
Hàng bán bị trả lại	15,530,390	20,575,683
Giảm giá hàng bán		
Cộng	69,984,093	32,848,410

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17,231,769,822	6,320,758,487
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15,026,018,951	25,086,269,713
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	451,168,794	164,973,890
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		
Cộng	32,708,957,567	31,572,002,090

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	602,712	817,726
Lãi từ hoạt động cho vay	58,311,828	236,935,068
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,030,990	37,093,392
Khác		
Cộng	59,945,530	274,846,186

5. Chi phí tài chính*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,067,813,672	1,797,111,950
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8,875,785	11,370,066
Chi phí tài chính khác		5,975,745
Cộng	1,076,689,457	1,814,457,761

6. Chi phí bán hàng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	463,063,072	446,130,754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36,264,464	53,035,983
Chi phí bảo hành	203,503,645	112,978,227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102,303,244	303,677,999
Các chi phí khác	150,223,063	264,833,299
Cộng	955,357,488	942,306,292

7. Chi phí quản lý.

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,074,618,635	1,297,778,240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56,096,524	77,426,396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498,984,183	861,687,463
Thuế, phí và lệ phí		
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Chi phí dự phòng		
Các chi phí khác	397,412,999	67,408,133
Cộng	2,027,112,341	2,304,300,232

8. Thu nhập khác.

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	921,074,726	1,595,122,428
Thu nhập khác		
Cộng	921,074,726	1,595,122,428

9. Chi phí khác.

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	134,386	325,046
Cộng	134,386	325,046

10. Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kê toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

C.P. * ICM